

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

Tên thương mại

SHL QUENCH 100B

1. SẢN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên thương mại	SHL QUENCH 100B
Đặc tính chung	Hydrocacbon tổng hợp
Phân loại nguy hiểm	Không có dữ liệu
Ứng dụng	Dầu nhiệt luyện
Tên và địa chỉ nhà sản xuất	
SHL CO., LTD.	
Văn phòng ở Seoul	
Keumwoong BLDG, 5F 298 Jungdae-ro, Songpa-gu, Seoul, Korea	
TEL (+82-2) 443-0230/4 FAX (+82-2) 443-0235	
Nhà máy	
56, Taejanggongdan-gil, Wonju-si, Kangwon-do, Korea	
TEL (82-33) 734-5060 FAX (82-33) 734-5034	
Tên nhà cung cấp	SHL CO., LTD.
Phòng ban	Phòng kỹ thuật

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Độc tính mãn tính và độc tính thủy sản. Loại 4

NHÃN

Hình GHS



Từ kí hiệu Cảnh báo

Báo cáo nguy hiểm

Gây hại nếu hít phải.

Biện pháp phòng ngừa

Ngăn ngừa

Không hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.

Rửa tay sạch và toàn bộ cơ thể sau khi xử lý.

Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc những nơi thông thoáng.

Biện pháp đối phó

Gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc nếu cảm thấy không ổn.

NẾU DÍNH TRÊN DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.

NẾU HÍT PHẢI: Đưa nạn nhân đến nơi thông thoáng và nghỉ ở tư thế thoải mái để thở.

Bảo quản

Lưu trữ đậy kín sản phẩm.

Xử lý

Xử lý chất và thùng chứa theo các quy tắc và quy định hiện hành.

NGUY HIỂM KHÁC

Chỉ số NFPA

Hydrocacbon nặng đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Polybutylene : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Chất làm lạnh nhanh : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Chất chống oxi hóa: Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy : 1, Phản ứng : 0

3. COMPOSITION/INFORMATION ON INGREDIENTS

Nhận danh hóa chất	Đồng danh	Số CAS	Nồng độ (%)
Hydrocacbon nặng đã xử lý hydro	Dầu khoáng	64742-54-7	Trên 90
Polybutylene	1-butene,HOMOPOLYMER	9003-28-5	1-10
Chất làm lạnh nhanh	Chất làm lạnh nhanh	Bảo mật	1-5
Chất chống oxi hóa	Chất chống oxi hóa	Bảo mật	<1

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Dính vào mắt

- Mở mí mắt và rửa mắt khoảng 15 phút.
- Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí.
- Ngay lập tức gọi cho cơ sở y tế hoặc bác sĩ/ thầy thuốc.

Dính vào da

- Rửa với xà phòng và nhiều nước trong khoảng 15 phút.
- Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.
- Nếu kích ứng da xảy ra: nhận điều trị y tế.

Hít phải

- Nếu kích ứng vẫn liên tục duy trì trên da, nhận điều trị y tế.

Nuốt phải

- Nếu cảm thấy không ổn: Gọi cho cơ sở y tế hoặc bác sĩ/ thầy thuốc.
- Nếu khó thở: Đưa nạn nhân đến nơi thông thoáng.
- Nếu cần thiết, nên xem xét rửa dạ dày.
- Ngay lập tức, nhận điều trị y tế.

Lời khuyên từ thầy thuốc

- Nếu cần thiết, nên xem xét rửa dạ dày.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy thích hợp

- Hóa chất khô, khí CO₂, nước, bột chữa cháy.

Phương tiện chữa cháy không thích hợp

- Không có dữ liệu

CHẤT NGUY HIỂM TẠO RA TRONG QUÁ TRÌNH CHÁY

- Chất độc sinh ra.
- Khói lửa, sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon.

HƯỚNG DẪN CHỮA CHÁY

- Sơ tán khu vực.
- Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, dùng nước để làm mát các bề mặt vật liệu tiếp xúc với lửa.
- Sử dụng nước để làm mát các bồn, thùng chứa, và các cấu trúc tiếp xúc với lửa.
- Chống cháy ở bồn nằm ngang từ bên cạnh bồn chứa.
- Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở khép kín (SCBA)
- Dùng bình xịt nước để làm mát các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.
- Sử dụng bột nếu tiếp xúc với nhiệt hoặc lửa.

Điểm chớp cháy [Phương pháp]: 205 °C (ASTM D92)

Trên/ dưới giới hạn cháy (Thể tích % xấp xỉ trong không khí): Không dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không dữ liệu

6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tránh hít phải và tiếp xúc với da.
Thay quần áo bị nhiễm bẩn bằng đồ mới.
Mang mặt nạ hô hấp hay thông khí khi làm việc trong phòng kín.
Tắt tắt cả các nguồn tiếp xúc và loại bỏ các nguồn bất lửa.
Trong trường hợp thông khí không tốt, mang mặt nạ hô hấp.

BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Không để chất ra ngoài môi trường tự nhiên.
Xử lý chất như chất thải để tránh gây ô nhiễm nước.
Nếu khu vực bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng chất hấp phụ.

BIỆN PHÁP LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc thiết bị hấp thụ không dễ cháy.
Sử dụng nước để hòa tan khí gas.
Thu lại các chất bị phơi nhiễm vào trong một thùng chứa thích hợp để xử lý chúng.

7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

THẬN TRỌNG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh xa nguồn nhiệt/ tia lửa/ ngọn lửa/ bề mặt nóng. Không hút thuốc.
Rửa tay sạch và cơ thể sau khi xử lý.
Tránh tiếp xúc với da. Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.
Không đun nóng, ép, tạo áp lực, cắt, hàn, ngâm, khoan, mài các thùng chứa rỗng.
Không làm việc gần thùng chứa rỗng.
Tránh hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun.
Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc những nơi thông khí.
Đóng kín thùng chứa khi không sử dụng.
Không tạo áp lực để đổ dầu vào, xả dầu hay xử lý.

Nhiệt độ khi chất/ tải hàng: Môi trường xung quanh

Nhiệt độ khi vận chuyển: Môi trường xung quanh

Áp suất khi vận chuyển: Môi trường xung quanh

ĐIỀU KIỆN LƯU TRỮ AN TOÀN

Bảo quản chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.
Lưu trữ nơi thông thoáng và mát.
Niêm phong thùng chứa và không tác động vật lý lên thùng chứa.

Nhiệt độ lưu trữ: Môi trường xung quanh

Áp suất lưu trữ: Môi trường xung quanh

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM NGHỀ NGHIỆP

TWA : 5 mg/m³.

KIỂM SOÁT KỸ THUẬT

Lắp đặt hệ thống thông khí thải.
Kiểm tra nếu sự phơi nhiễm thích hợp trong các tiêu chuẩn phơi nhiễm.

BẢO VỆ CÁ NHÂN

Bảo vệ đường hô hấp

Mang mặt nạ hô hấp khi cần nếu thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với chất hoặc tiếp xúc quá mức.
Phải có hệ thống thông gió thích hợp và thực hành kỹ thuật tốt để giữ cho nồng độ sương dầu dưới PEL.
Mặt nạ sẽ được Cơ quan An toàn và Sức khỏe Lao động Hàn Quốc chứng nhận.

Bảo vệ mắt

Mang kính bảo hộ hóa học để ngăn ngừa tiếp xúc mắt từ tán xạ vật liệu hoặc chất lỏng độc hại.
Lắp đặt hệ thống phun rửa cho mắt gần nơi làm việc.

Bảo vệ tay

Mang găng tay chống hóa chất, nếu cần.

Bảo vệ cơ thể

Mặc quần áo bảo hộ chống hóa chất.

9. THÔNG TIN LÝ HÓA

Hình thức tự nhiên	Màu nâu đậm
Mùi	Mùi đặc trưng của chất bôi trơn
pH	Không có dữ liệu
Nhiệt độ nóng chảy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ sôi	Trên 260°C
Nhiệt độ chớp cháy	Trên 200°C
Sự Oxi hóa	Ổn định
Tính dễ cháy	Không có dữ liệu
Sự cháy nổ	Ổn định
Áp suất hơi	< 1 mmHg @ 20°C
Sự hòa tan trong nước	Không có dữ liệu
Mật độ hơi	Không có dữ liệu
Trọng lượng riêng	0.832 (15°C)
Hệ số phân phối	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có dữ liệu
Nhiệt độ phân tán	Không có dữ liệu
Độ nhớt	15.00~20.00 cSt (40°C)
Trọng lượng phân tử	Không có dữ liệu

10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH

Độ ổn định

Ổn định ở điều kiện sử dụng thường.

Khả năng sinh ra các chất nguy hiểm trong quá trình phản ứng

Không xảy ra.

Điều kiện và chất nên tránh

Tránh các nguồn nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn bắt cháy.

Chất oxi hóa mạnh.

Nếu tiếp xúc với nhiệt, thùng chứa có thể vỡ hoặc nổ.

Chất tạo ra trong quá trình phân hủy

Sản phẩm phân hủy do nhiệt. Có thể bao gồm các hợp chất carbon độc hại (ví dụ CO).

Vật liệu cần tránh

Chất chống oxi hóa

11. THÔNG TIN CÁC CHẤT GÂY ĐỘC

THÔNG TIN VỀ NGUY CƠ KHẨN CẤP & NGUY HẠI

Hít phải

Không rõ các ảnh hưởng đáng kể hay nguy hiểm nguy cấp.

Dính vào mắt

Không rõ các ảnh hưởng đáng kể hay nguy hiểm nguy cấp.

Dính vào da

Không rõ các ảnh hưởng đáng kể hay nguy hiểm nguy cấp.

Nuốt phải

Không rõ các ảnh hưởng đáng kể hay nguy hiểm nguy cấp.

THÔNG TIN CÁC CHẤT GÂY ĐỘC

Độc tính cấp tính đường miệng

LD50 >15000 mg/kg Thử nghiệm trên chuột

Độc tính cấp tính đối với da

LD50 >5000 mg/kg Thử nghiệm trên thỏ

Độc tính cấp tính khi hít phải

LC50 2.18 mg/L trong 4 giờ Thử nghiệm trên chuột

Kích ứng da	Gây kích ứng da.
Kích ứng mắt	Gây kích ứng mắt.
Độc tính cấp tính	Không có dữ liệu
Độc tính liều lặp lại	Không có dữ liệu
Biến đổi gen	Không có dữ liệu
Độc tính sinh sản	Không có dữ liệu
Tính gây ung thư	Không áp dụng
Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc 1)	Không có dữ liệu
Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc nhiều)	Không có dữ liệu
Lời khuyên bác sĩ	Không có dữ liệu

12. THÔNG TIN SINH THÁI

ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI

Độc tính thủy sinh mãn tính

Cá

LC50 > 5000 mg/l 96 hr *Oncorhynchus mykiss*

Loài giáp xác

EC50 > 1000 mg/l 48 hr *Daphnia magna*

Algae

Không có dữ liệu.

Bảo mật thương mại (S1)

Cá

Không có dữ liệu

Loài giáp xác

Không có dữ liệu

Algae

Không có dữ liệu.

ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY

ĐỘ BỀN: log Kow 3.9~6 (Ước lượng)

KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC: 6%(28 ngày)

Bảo mật thương mại (S1)

ĐỘ BỀN: Không có dữ liệu

KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC: Không có dữ liệu

13. XEM XÉT XỬ LÝ

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI

Phân loại theo chất thải đã quy định.

BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Xử lý trong một hệ thống tự xử lý hợp pháp hoặc thông qua các công ty xử lý chất thải.

CHÚ Ý KHI XỬ LÝ

Theo các tiêu chuẩn chi tiết của Luật quản lý chất thải.

CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết nước và cất trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phân loại và quy định theo luật vận chuyển và lưu trữ trên tàu theo Luật an toàn tàu biển đối với chất nguy hiểm

Không quy định

Chú ý trong vận chuyển

Không có dữ liệu

Chất ô nhiễm biển

Không có dữ liệu

Phân loại và Quy định Theo Luật Giao thông Vận tải

Không quy định vận chuyển theo mã UN, IMDG, ADR/RID, IATA/ICAO.

15. THÔNG TIN CÁC QUY ĐỊNH

1.(Các sản phẩm chưng cất dầu mỏ, paraffinic nặng đã xử lý hydro)

- 1.E.U : Ký hiệu nguy hiểm - Carc. Cat. 2; R45

Rủi ro : R45

An toàn : S53, S45

- 2. U.S

CERCLA 103(40CFR302.4) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30) :Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) :Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

BẢO MẬT THƯƠNG MẠI (S1)

- 1.E.U : Ký hiệu nguy hiểm - No

Rủi ro : Không có

An toàn : Không có

USA : CERCLA 103(40CFR302.4) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

SARA 302(40CFR355.30) :Không áp dụng

SARA 304(40CFR355.40) :Không áp dụng

SARA 313(40CFR372.65) : Không áp dụng

OSHA(29CFR1910.119) : Không áp dụng

16. CÁC THÔNG TIN KHÁC**Nguồn**

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

Viết ngày 20/12/2004

Số sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày Rev. 0 8/12/2015

Các tài liệu tham khảo khác

Dữ liệu và lời khuyên đưa ra áp dụng khi sản phẩm được bán phù hợp với các ứng dụng đã nêu ra. Sản phẩm sẽ không thích hợp để sử dụng cho các ứng dụng khác. Nếu sử dụng sản phẩm này với mục đích khác sẽ gây ra các rủi ro có thể đề cập hoặc không đề cập trong bảng này. Do đó, không nên tự ý sử dụng sản phẩm khi chưa có sự tìm hiểu hay tư vấn từ chúng tôi.

Nếu cung cấp sản phẩm cho bên thứ 3, nên thực hiện các bước cần thiết để đảm bảo rằng người xử lý hoặc sử dụng sản phẩm nắm được thông tin trong bảng này.

Đối với chủ sản xuất, nên thông tin đến công nhân hoặc những người khác để biết đến các mối nguy hiểm hoặc các chú ý để họ được nắm rõ.